

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-PT  
Ngày 28-7-2017  
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Hiên.

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Đình Sớm

Ông Nguyễn Văn Sinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai:** Bà Lê Thị Ngọc Tranh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2017/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2016/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2017/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S.

Hộ khẩu thường trú: Khối phố 2, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Ông S vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị M.

Địa chỉ: Khối phố 2, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Bà M có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Hoàng Thị M.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 07-3-2016, bản tự khai, các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Ông và bà Hoàng Thị M đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại UBND phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Những năm đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, chí thú làm ăn. Mặc dù trong cuộc sống vợ chồng có cãi vã nhưng không trầm trọng, khắc phục được, nhưng từ năm 2008 đến nay vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, năm 2011 ông S làm việc tại xã V1, huyện V2, tỉnh Bình Định, do mâu thuẫn vợ chồng nên ông S không về nhà mà chỉ về thăm con vào các dịp lễ tết, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà M cho rằng ông S là người hèn kém, bất tài và nghi ngờ ông S có người phụ nữ khác bên ngoài nhưng thực tế thì ông S không có ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu

thuần vợ chồng trầm trọng. Mặc dù ông S đã giải thích nhiều lần nhưng bà M vẫn không tin tưởng và thường xuyên coi thường, xúc phạm ông, ông sống với bà M chỉ vì con cái, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt. Bắt đầu từ năm 2013, bà M không tôn trọng ông, chửi bới ông và có lần lấy dép đánh vào mặt ông. Từ tháng 10 năm 2014, do công việc tại công trường ở xã V1, huyện V2, tỉnh Bình Định không thường xuyên, ông thấy không thể về tiếp tục chung sống với bà M được nữa nên ông đã về sống ở quê tại xóm H, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An để sinh sống cho đến nay, khi nào công trường có việc thì ông mới vào để giải quyết. Ông và bà M đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai, hai bên gia đình cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay ông xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông S và bà Hoàng Thị M có một con chung là Nguyễn Tiến V, sinh năm 1993 đã trưởng thành và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn S tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra ông S không yêu cầu gì khác.

*Bị đơn là bà Hoàng Thị M vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và có bản tự khai, lời trình bày tại các buổi hòa giải như sau:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn S kết hôn năm 1992 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Quá trình chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống chung thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, sau đó tự bỏ qua cho nhau. Vào năm 2012, bà M có nghe nói ông S cặp bồ với cô nấu cơm, từ đó vợ chồng có lời qua tiếng lại, bà M có hỏi ông S thì ông S xô bà bị ngã rạn xương sườn, ông S không nhận, bà M bỏ qua, vợ chồng vẫn chung sống bình thường. Trong năm 2012 vợ chồng bà đã mở doanh nghiệp làm ăn bình thường vẫn không có gì xảy ra. Từ năm 2012 đến nay, ông S nghi ngờ bà gửi tin nhắn cho anh trai ông S là ông L để xúc phạm gia đình nhà ông S và cũng trong năm 2012 và năm 2015 ông L và ông S xui cháu của ông S đến nhà đe dọa đánh bà nhưng không đánh và có rất nhiều tin nhắn gửi đến chửi bới, xúc phạm bà nhưng bà không biết ai. Ông S làm việc ở chi nhánh Công ty V3 ở Bình Định, từ trước đến nay ông S đi làm không gửi cho bà khoản tiền nào để chăm lo đình.

Vào đầu tháng 7 năm 2015, bà đi mổ thoát vị đĩa đệm, ông S vẫn chăm sóc bà. Khi bà ra viện thì ông S về V1, huyện V2, tỉnh Bình Định tết có về nhà, do ông S lâu không về, không gọi điện về hỏi thăm gia đình nên bà bức tức, vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, từ đó ông S bỏ đi không về cho đến nay. Bà ốm ông S không đưa tiền cho bà chữa bệnh. Tháng 12 năm 2015, bà xuống công trường hai vợ chồng vẫn vui vẻ hạnh phúc, bà không đồng ý với những lời trình bày của ông S tại Tòa án. Từ khi ông S gửi đơn đến Tòa án bà không gặp ông S, bà có gọi điện cho ông S nhiều lần nhưng ông S không bắt máy. Vì vậy, giữa bà và ông S không có cơ hội để hàn gắn, ông S đi từ đó đến nay không về nhà, không quan tâm và trách nhiệm gì đối với bà, bà đã cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng ông S

cương quyết không đồng ý, bà và ông S không còn quan hệ tình cảm từ tết năm 2016 đến nay. Nay ông S yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì tình cảm vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông S có một con chung là Nguyễn Tiến V, sinh năm 1993, con đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà và ông S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, bà M không yêu cầu gì khác.

*Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2016/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 11 năm 2016, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

Áp dụng các Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S. Cho ông Nguyễn Văn S được ly hôn bà Hoàng Thị M.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14 tháng 12 năm 2016, bị đơn là bà Hoàng Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét hủy bản án sơ thẩm vì bà không đồng ý ly hôn với ông S hoặc nếu chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì phải xử lý chia tài sản chung của vợ chồng bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là bà Hoàng Thị M trình bày bà không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm phúc xem xét hủy bản án sơ thẩm nữa mà chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông S để cho vợ chồng bà được đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Ông S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt ông S.

[1] Đối với kháng cáo của bà M về việc Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết vấn đề tài sản chung giữa bà với ông S: Xét thấy, trường hợp bà M có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà và ông S thì bà phải có yêu cầu phản tố và yêu cầu này phải được đưa ra trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015). Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 04-4-2015 (bút lục 32) bà M khai “*về tài sản chung: tôi không có ý kiến gì*”, tại biên bản đối chất ngày 07-4-2016 (bút lục 41) và biên bản hòa giải ngày 14-7-2016 (bút lục 45, 46), bà M đều trình bày bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tại biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 14-7-2016 (bút lục 55, 56), khi được hỏi có đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không, có yêu cầu phản tố hay không thì bà M trình bày bà không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và không trình bày thêm vấn đề khác. Tại bản tự khai đề ngày 07-9-2016 (bút lục 34), bà M mới có ý kiến “*tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi về số tài sản ông S đã lấy của tôi*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu

cầu chia tài sản chung của bà M là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà M về nội dung này là không có cơ sở.

[2] Đối với kháng cáo của bà M về việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà: Ngày 07-9-2016, Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định ngày xét xử là ngày 27-9-2016. Ngày 15-9-2016, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo chuyển dời ngày giờ xét xử vụ án sang ngày 30-9-2016. Do bà M có đơn xin hoãn phiên tòa nên ngày 30-9-2016, Tòa án cấp sơ thẩm quyết hoãn phiên tòa và quyết định mở lại phiên tòa vào ngày 21-10-2016. Ngày 20-10-2016, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo chuyển dời ngày giờ xét xử vụ án sang ngày 08-11-2016. Ngày 07-11-2016, bà M có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do phải điều trị tại khoa Ung bướu, bệnh viện T (Hà Nội) nên ngày 08-11-2016, Tòa án huyện C ra Quyết định hoãn phiên tòa số 12a/2016/QĐST-HNGĐ ấn định ngày mở lại phiên tòa sơ thẩm là ngày 30-11-2016. Hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết công khai quyết định hoãn phiên tòa nói trên cùng với giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 30-11-2016 cho bà Hoàng Thị M với lý do *“đã đến tại nhà bà Hoàng Thị M, sinh năm 1958 để tổng đạt 01 Quyết định hoãn phiên tòa ngày 08/11/2016; 01 Giấy triệu tập đến phiên tòa ngày 08/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai để bà Hoàng Thị M biết và có mặt tại Tòa án nhân dân huyện C vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 30-11-2016 để tham gia phiên tòa nhưng không gặp được bà Hoàng Thị M”* (bút lục 172).

Xét thấy, trong trường hợp không gặp được bà M thì Tòa án cấp sơ thẩm phải tiến hành xác minh tại thời điểm tổng đạt bà M đi đâu, làm gì, khi nào trở về,... để xem xét có phải bà M vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới hay không. Bởi lẽ, việc không gặp được bà M tại thời điểm tổng đạt không đồng nghĩa với việc bà vắng mặt tại nơi cư trú. Do Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh những nội dung trên nên không có cơ sở để xác định là không thể thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cũng như không có cơ sở để xác định tại thời điểm tổng đạt bà M vắng mặt tại nơi cư trú. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết công khai quyết định hoãn, giấy triệu tập để từ đó xét xử vắng mặt bà M là không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, vi phạm tố tụng.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bà M cung cấp cho Tòa án 01 Giấy ra viện của Khoa Nội tiết, bệnh viện T (Hà Nội) thể hiện nội dung bà M vào viện lúc 8 giờ 49 phút ngày 30-11-2016 (là ngày xét xử sơ thẩm), ra viện lúc 16 giờ 00 phút ngày 20-12-2016. Như vậy đây được xem là tình tiết mới thể hiện bà M có lý do chính đáng không thể tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bà M không đề nghị hủy bản án sơ thẩm mà chỉ yêu cầu Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S cho vợ chồng bà được đoàn tụ. Xét, việc hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại cũng không làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm mà không xem xét hủy bản án sơ thẩm vì lý do nói trên.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông S thì thấy rằng:

Ông S trình bày từ cuối năm 2007 đến đầu năm 2008 thì ông và bà M thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt do bà M coi thường, thường xuyên xúc phạm ông làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống hôn nhân

không thể kéo dài. Thấy rằng, tuy trình bày như vậy nhưng ông S không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ. Tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp, bà M không đồng ý với lời trình bày của ông S và cho rằng tình cảm giữa vợ chồng bà vẫn còn, tình trạng mâu thuẫn chưa trầm trọng nên bà không đồng ý ly hôn với ông S.

Tại biên bản xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của ông S, bà M ngày 06-9-2016 (bút lục 61) có nội dung: “... Bà Hoàng Thị M và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng chung sống với nhau, do nhà bà M là doanh nghiệp tư nhân nên ông S thường xuyên vắng nhà, tết vừa rồi ông S có về sau đấy ông S đi làm ăn xa ở đâu không thấy về nữa... Việc mâu thuẫn giữa bà M và ông S cụ thể như thế nào tôi không biết”. Tại “Giấy xác nhận” đề ngày 03-4-2017 (tài liệu này được bà M giao nộp ở giai đoạn phúc thẩm), tổ trưởng tổ dân phố 2, thị trấn Phú Hòa, huyện C (nơi ông S, bà M sinh sống) xác nhận “Tôi ở cùng đường không thấy gia đình anh chị S M cãi nhau, to tiếng, bao giờ”.

Tại “Đơn đề nghị” đề ngày 02-4-2017 và “Giấy xác nhận” đề ngày 03-4-2017 (các tài liệu này được giao nộp ở giai đoạn phúc thẩm), anh Nguyễn Tiến V (là con và cư trú cùng địa chỉ với ông S, bà M) cũng trình bày: “Bố, mẹ tôi từ trước cho tới tháng 2 năm 2016 sống rất hạnh phúc không có mâu thuẫn nào xảy ra, xung quanh hàng xóm ai cũng biết chưa có khi nào bố, mẹ tôi to tiếng, mẹ tôi là người lo toan công việc trong gia đình, chăm sóc con cái ăn học, chăm sóc bố tôi chu đáo để bố tôi an tâm công tác cùng đồng tâm hiệp lực để phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy tôi trưởng thành. Mẹ tôi luôn xúc vác công việc trong gia đình, vì thế mẹ tôi giờ sinh ra nhiều bệnh tật. Bố tôi chỉ biết đi làm nhà nước, việc nhà bố tôi không hề biết, bố tôi rất thương yêu mẹ tôi và tôi, bố, mẹ tôi vẫn sống tốt và rất hạnh phúc không có điều tiếng gì xảy ra, không hiểu tại sao mà bố tôi lại mang đơn ra tòa để li dị mẹ tôi... Tôi mong bố mẹ tôi trở về đoàn tụ để gia đình tôi có được cuộc sống hạnh phúc như trước...”.

Mặt khác, ông S cũng không chứng minh được bà M có hành vi bạo lực gia đình hoặc hành vi khác vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Những tình tiết trên cho thấy, không có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông S, bà M lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định. Hơn nữa, do đặc trưng công việc nên ông S thường xuyên phải sống xa nhà, bà M lại thường xuyên đau ốm. Do đó, cần tạo điều kiện để ông S, bà M dàn xếp, hàn gắn lại tình cảm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn S.

Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn S.

Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**Vì các lý trên;**

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là bà Hoàng Thị M; sửa Bản án số 05/2016/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai như sau:

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27 tháng 2 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S về việc xin ly hôn với bà Hoàng Thị M.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai số 0002191 ngày 9-3-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai; ông S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002390 ngày 24-01-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Văn Hiên**